

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **81** /GPMT-UBND

Quảng Trị, ngày **30** tháng **10** năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông báo số 3068/TB-HĐTD ngày 25/9/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở Trang trại chăn nuôi lợn thương phẩm tại thôn Mai Đàn, xã Cam Chính, huyện Cam Lộ;

Xét nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở Trang trại chăn nuôi lợn thương phẩm tại thôn Mai Đàn, xã Cam Chính, huyện Cam Lộ đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản giải trình số 161/TVL-MT ngày 16/10/2023 của ông Trương Văn Lân;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 4113/TTr-STNMT ngày 25/10/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho ông Trương Văn Lân, địa chỉ tại thôn Đốc Kinh, xã Cam Chính, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở Trang trại chăn nuôi lợn thương phẩm tại thôn Mai Đàn, xã Cam Chính, huyện Cam Lộ với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên cơ sở: Trang trại chăn nuôi lợn thương phẩm tại thôn Mai Đàn, xã Cam Chính, huyện Cam Lộ.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thôn Mai Đàn, xã Cam Chính, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư: Chủ cơ sở là ông Trương Văn Lân có số CCCD số 045077005296 cấp ngày 02/10/2021 bởi Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

1.4. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chăn nuôi lợn thịt.

1.5. Phạm vi, quy mô, công suất của Cơ sở:

- Tổng diện tích của cơ sở: 13.000m², gồm 02 chuồng chăn nuôi với kích thước mỗi nhà là 20x75m, các công trình phụ trợ: nhà làm việc, nhà ở công nhân, nhà vệ sinh, nhà sát trùng xe, nhà sát trùng công nhân, nhà khí thức ăn và công trình phụ trợ khác.

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như Dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công)

- Công suất: 2.400 con lợn thương phẩm/đợt nuôi; 1 năm nuôi 2 đợt.

- Dự án có tiêu chí về môi trường tương đương như Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Tóm tắt quy trình công nghệ chăn nuôi: Lợn giống (Công ty Cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam cung cấp) → Quá trình chăm sóc, nuôi dưỡng, tiêm vaccine → Lợn thương phẩm → Xuất bán (Công ty Cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam thu mua).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Ông Trương Văn Lân có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày **30** tháng **10** năm 2023 đến ngày **30** tháng **10** năm 2032).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Cơ sở theo quy định của pháp luật. / *vu*

Nơi nhận:

- Ông Trương Văn Lân;
- Chủ tịch, PCTTT Hà Sỹ Đồng;
- Các Sở: TN&MT, NN&PTNT;
- UBND huyện Cam Lộ;
- UBND xã Cam Chính;
- Trang TTĐT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT(Thu). *tc*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hà Sỹ Đồng

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

**Cơ sở: Trang trại chăn nuôi lợn thương phẩm
tại thôn Mai Đàn, xã Cam Chính, huyện Cam Lộ**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: **81** /GPMT-UBND ngày **30** tháng **10** năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**1. Nguồn phát sinh nước thải**

1.1. Nguồn số 01: Nước thải chăn nuôi của trang trại.

1.2. Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt của 5 cán bộ công nhân viên tại trang trại.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải**2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải**

- Dòng thải số 01 (tương ứng nguồn số 01): Nước thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi sau khi được xử lý xả thải ra khe nước tự nhiên phía Tây dự án, sau đó chảy thường nguồn sông Vĩnh Phước (đoạn chảy qua xã Cam Chính, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị). Vào mùa hè, tái sử dụng nước thải để tưới cây trong trang trại.

- Dòng thải số 02 (tương ứng nguồn số 02): Nước thải sinh hoạt sau xử lý, qua hố thấm vào đất thuộc địa phận thôn Mai Đàn, xã Cam Chính, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Vị trí xả nước thải: Trang trại chăn nuôi lợn thương phẩm tại thôn Mai Đàn, xã Cam Chính, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị.

- Tọa độ vị trí xả nước thải:

+ Dòng nước thải số 01: Khe nước phía Tây trang trại: tọa độ X: 1.848.670m; Y: 574.335m.

+ Dòng nước thải số 02: Hố thấm sau cùng Bể tự hoại tại nhà ở công nhân: Tọa độ X: 1.846.840m; Y: 542.934m.

(Theo Hệ tọa độ VN2000, KTT 106⁰15', múi chiếu 3⁰)

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 40,5 m³/ngày đêm

- Dòng số 01: 40 m³/ngày đêm.

- Dòng số 02: 0,5 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Dòng số 01: Nước thải sau xử lý tại hồ đối chứng sẽ được xả ra khe nước phía Tây dự án bằng đường ống nhựa PVC Ø110. Hình thức xả thải: Tự chảy.

- Dòng số 02: Nước thải xử lý tự thấm vào đất ở góc phía Đông của Nhà ở công nhân. Hình thức xả thải: Tự thấm vào đất.

2.3.2. *Chế độ xả nước thải*: Xả liên tục trong ngày (24 giờ)

2.3.3. *Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận*:

Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau:

- Dòng thải số 01: Nước thải chăn nuôi sau xử lý của Trang trại đảm bảo QCVN 62-MT:2016/BTNMT-QCKTQG về nước thải chăn nuôi (Cột B, Kf=1,3, Kq=0,9). Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: cụ thể ở bảng sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị tối đa cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5,5-9	06 tháng/lần	Không áp dụng
2	BOD ₅	mg/l	117		
3	COD	mg/l	351		
4	TSS	mg/l	175,5		
5	Tổng N	mg/l	175,5		
5	Coliform	MPN/100ml	5.000		

- Dòng thải số 02: Nước thải sinh hoạt sau xử lý đạt Quy chuẩn cho phép trước khi xả thải theo QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B, K=1,2). Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng nước thải cụ thể ở bảng sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị tối đa cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5,5 - 9	Không áp dụng	Không áp dụng
2	BOD ₅ (20 °C)	mg/l	60		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.200		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12		
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	60		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12		
10	Phosphat (tính theo P)	mg/l	12		
11	Tổng Coliform	MPN/100 ml	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom, thoát nước thải

- Đối với nước thải sản xuất:

+ Dự án đã xây dựng các rãnh thoát nước nằm dọc hai bên sườn mỗi nhà nuôi, kích thước (0,3 x 0,4)m trước khi chảy vào hố gom, xây gạch tô 2 mặt, có nắp đậy bằng bê tông, đoạn cuối trại chảy ra hố gom bằng ống nhựa PVC D= 200mm.

+ Tại hố gom bố trí 01 máy ép phân để tách phân, sau đó phần nước thải sẽ được chảy qua hầm biogas và các công trình khác bằng đường ống nhựa PVC có D= 200mm và thoát nước ra khe suối bằng hình thức tự chảy

- Đối với nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt từ Nhà vệ sinh được thu gom bằng ống PVC Ø110 dẫn vào xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn sau đó thấm ra môi trường đất qua hố thấm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Nguồn số 01: Xử lý bằng hệ thống xử lý bãi lọc ngầm.

+ Quy trình xử lý: Nước thải từ khu vực chăn nuôi → Hố gom, tách phân → Hồ biogas → Hồ sinh học 1 → Hồ sinh học 2 → Hồ lọc ngầm → Hồ đối chứng → Khe nước phía Tây Trại.

+ Công suất thiết kế: 40m³/ngày.đêm.

+ Vào mùa hè, tái sử dụng nước thải để tưới cây trong trại.

- Nguồn số 02: Nước thải từ Nhà vệ sinh tại khu vực nhà ở công nhân → Bể tự hoại 03 ngăn thể tích 10 m³ → tự thấm ra môi trường qua hố thấm bên trong Trại.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Công trình ứng phó sự cố: 02 hồ sinh học với thể tích chứa lần lượt là 2.200 m³ và 3.120 m³

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

+ Thường xuyên kiểm tra, theo dõi và thông báo kịp thời với đơn vị xây dựng hệ thống xử lý trong trường hợp có sự cố.

+ Tăng kích thước của các ống dẫn nước qua các hồ, đặc biệt là từ hồ sinh học số 2 qua hồ lọc ngầm để tăng khả năng dẫn nước giữa các hồ vào các thời điểm mưa lớn.

+ Khi xảy ra sự cố, trại cần lưu giữ nước tại các hồ sinh học, sau đó nhanh chóng khắc phục sự cố và bơm nước hoàn về bể thu gom để đưa vào xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1 Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:

Dự kiến 03 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường được cấp (có thể muộn hơn trong trường hợp khối lượng nước phát sinh không đảm bảo công suất vận hành thử nghiệm).

2.2. Công trình, thiết bị xử nước thải phải vận hành thử nghiệm:

Hệ thống xử lý nước thải chăn nuôi công suất 40m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

Vị trí lấy mẫu đầu vào: Nước thải tại hồ gom, trước máy tách phân.

Vị trí lấy mẫu đầu ra: Nước sau xử lý tại hồ đôi chứng.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ cơ sở phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình xử lý nước thải chăn nuôi theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm các hệ thống xử lý nước thải tập trung theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể: Quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 03 ngày liên tiếp.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải (sinh hoạt, chăn nuôi) phát sinh của Cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường. Vào mùa hè, tái sử dụng nước thải để tưới cây trong trang trại, chất lượng nước thải tưới cây phải đảm bảo đạt QCVN 01-195:2022/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom, xả nước thải sau xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ cơ sở có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất (nếu có) để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

Cơ sở: Trang trại chăn nuôi lợn thương phẩm
tại thôn Mai Đan, xã Cam Chính, huyện Cam Lộ

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: **81** /GPMT-UBND ngày **30** tháng **10** năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Mùi hôi phát sinh từ quạt thông gió.
- Nguồn số 02: Khí thải từ hệ thống biogas.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải

- Nguồn số 01: Mùi hôi phát sinh từ chuồng nuôi, hồ tách phân.
- Nguồn số 2: Khí thải từ hầm biogas.

2.2. Lưu lượng phát sinh lớn nhất: Nguồn phân tán không xác định lưu lượng.

2.2.1. Phương thức xả thải

- Dòng thải số 1: Sau quạt thông gió của chuồng nuôi xả ra môi trường
- Dòng thải số 2: Khí thải tại van xả khí hồ biogas.

2.2.2. Chất lượng xả ra môi trường

- Dòng thải số 1: Do lượng mùi phát sinh từ chuồng trại là nguồn thải phát tán, không xác định được lưu lượng nên quy chuẩn xả thải của trang trại là QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn Quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị tối đa cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	NH ₃	mg/m ³	0,2	06 tháng/lần	Không áp dụng
2	H ₂ S	mg/m ³	0,042		
3	CH ₃ SH (Methyl mecarptan)	mg/m ³	0,05		

Vị trí quan trắc định kỳ: 02 vị trí tại khu vực cổng trại; khu vực phía sau quạt thông gió của chuồng nuôi.

- Nguồn số 2: Chất lượng khí thải đầu đốt khí gas từ hầm biogas phải đáp ứng QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B, K_p = 1, K_v = 1,2), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị tối đa cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	NH ₃	mg/m ³	60	Không áp dụng	Không áp dụng
2	H ₂ S	mg/m ³	9		
3	CO	mg/m ³	1.200		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI VIỆC THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom và xử lý bụi, khí thải

Cơ sở không có công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải mà chỉ áp dụng các biện pháp giảm thiểu, hạn chế tác động của mùi hôi đến CBCNV và môi trường xung quanh.

1.2. Các công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

- Chuồng trại đã được xây dựng với thiết kế thoáng mát, lắp đặt các quạt làm mát và hút mùi.

- Sử dụng nguồn thức ăn có trộn chế phẩm men vi sinh để tăng cường tiêu hóa, hạn chế mùi từ phân.

- Thường xuyên vệ sinh chuồng trại, không để phân và nước thải ứ đọng lâu ngày;

- Đã tiến hành trồng cây xanh trong khuôn viên khu vực, diện tích trên 20% tổng diện tích trang trại. Trong thời gian tới sẽ tiến hành trồng thêm cây xanh để đảm bảo tỷ lệ cây xanh đạt 37,7% diện tích.

- Vệ sinh chuồng trại (tần suất 1lần /ngày), tiến phun chế phẩm EM, phun thuốc sát trùng (tần suất 5-7 ngày/lần), cho chế phẩm EM cho thức ăn, nước uống của vật nuôi. Liều dùng khi trộn vào thức ăn khoảng 3 - 5ml EM/1 kg thức ăn hoặc pha trực tiếp vào nước là 1 - 3ml EM/1 lít nước, dùng mỗi ngày. Nếu sử dụng để khử mùi hôi thì dùng 20 - 30ml EM hòa vào 8 lít nước phun trực tiếp vào chuồng trại, tần suất 7 ngày/lần.

- Đã xây dựng hầm biogas có che phủ bằng bạt HDPE.

- Lắp đặt van xả khí có đầu xả được lắp đặt bằng inoc tại hầm biogas và tiến hành đốt khí xả khí để giảm thiểu mùi hôi.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh khí thải phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A phụ lục này.

2.2. Đảm bảo sử dụng đầy đủ chế phẩm EM, thực hiện nghiêm túc các phương án giảm thiểu mùi hôi.

2.3. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Phụ lục này ra môi trường.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Cơ sở: Trang trại chăn nuôi lợn thương phẩm
tại thôn Mai Đàn, xã Cam Chính, huyện Cam Lộ

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: **81** /GPMT-UBND ngày **30** tháng **10** năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	CTNH	Mã CTNH	Khối lượng
1	Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	2 kg/năm
2	Hộp mực in	08 03 18	02-3kg/năm
3	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn như kim tiêm, dụng cụ mổ,...lợn dịch bệnh) từ thú y thải	13 02 01	03-5kg; Lợn dịch: tùy theo khả năng phòng chống dịch bệnh
4	Bao bì cứng thải (không chứa hóa chất nông nghiệp có gốc halogen hữu cơ như bao bì hóa chất độc hại, vỏ chai thuốc thú y...)	14 01 06	20-24 kg/năm

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh

TT	Loại chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Phân lợn	4.020.000
2	Bùn nạo vét từ hầm biogas (1năm/1lần)	3.470.000
	Tổng cộng	7.490.000

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 912.5 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: 01 tủ chứa 120L kín để thu gom và lưu giữ CTNH.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa CTNH: Được lưu giữ trong nhà kho.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTR công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị chứa: Thùng chứa, bao bì chống thấm

2.2.2. Kho, bãi lưu chứa chất thải:

- Số lượng: 01 nhà chứa khu vực để máy tách phân
- Kho chứa phân lợn, bùn thải, bã thải từ các hầm Biogas sau ép: Nhà ép phân với diện tích 10x3m được lợp mái tôn.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa có nắp đậy dung tích 100 – 120 lít.

2.3.2. Kho lưu giữ: Không bố trí

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải:

- Chất thải nguy hại: bóng đèn vỡ, dầu nhớt thải...lượng không đáng kể, bố trí thùng đựng chuyên dụng 120L, lưu kho. Sau khi đủ khối lượng sẽ liên hệ, tìm kiếm với các đơn vị trên địa bàn để hợp đồng thu gom và đưa đi xử lý.

- Đối với CTNH là thuốc thú y hết hạn sử dụng, kim tiêm, vỏ thuốc thú y... sẽ được thu gom vào thùng đựng chuyên dụng và được Công ty Cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam định kỳ thu gom, đưa đi xử lý theo như Hợp đồng Gia công chăn nuôi gia công heo thịt ngày 04/4/2023 giữa Công ty Cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam - Chi nhánh 2 Quảng Trị với bên nhận gia công.

- Đối với CTNH là xác lợn bị dịch bệnh chết hàng loạt, Chủ Cơ sở sẽ thực hiện các biện pháp theo hướng dẫn của Công văn số 569/BNN-TY ngày 22/07/2019 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc hướng dẫn bổ sung một số biện pháp phòng, chống bệnh dịch tả lợn Châu Phi và thực hiện theo QCVN 01- 41:2011/BNNPTNT: về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật, đồng thời phối hợp với các Cơ quan chức năng của địa phương để xử lý tiêu hủy đúng quy định

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Sự cố cháy nổ: Thành lập đội PCCC tại chỗ, xây dựng nội quy về PCCC, trang bị đầy đủ các thiết bị PCCC; Đưa ra các nội quy không được hút thuốc trong quá trình làm việc.

2. Sự cố tai nạn lao động, giao thông: Tổ chức tập huấn an toàn lao động; Trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cho CBCNV như khẩu trang, găng tay, mũ, giày...; Chấp hành nghiêm chỉnh luật an toàn giao thông đường bộ.

3. Sự cố mưa bão, sạt lở: Thiết kế chuồng trại theo đúng tiêu chuẩn xây dựng; gia cố bờ kè phía Tây và Tây Nam đảm bảo khả năng phòng ngừa sạt lở; Có phương án phòng chống và ứng phó sự cố khi mưa bão xảy ra.

4. Dịch bệnh: Chủ động trong khâu phòng ngừa dịch bệnh một cách nghiêm ngặt; Xây dựng hệ thống khử trùng ngay cổng vào, định kỳ phun tiêu độc khử trùng, rắc vôi,..quanh chuồng trại; bố trí khu cách ly lợn.

5. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT để có biện pháp quản lý phù hợp.

6. Sự cố lợn chết và dịch bệnh: Đối với các trường hợp lợn chết với số lượng quá lớn hoặc do nghi ngờ bệnh có thể lây lan, Chủ Cơ sở báo cáo với chính quyền địa phương và cơ quan thú y để được hướng dẫn, xử lý theo quy định của pháp luật về thú y và tiến hành biện pháp xử lý tuân thủ quy định tại Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn; QCVN 01-41:2011/BNNPTNT về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật.

C. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC CTR, CTNH CỦA CƠ SỞ

1. Thông số giám sát: Thành phần, khối lượng bảo quản lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, CTR thông thường và CTNH.

2. Vị trí giám sát: tại kho chứa CTR, CTNH của trang trại.

3. Tần suất giám sát: 6 tháng/lần.

Phụ lục 4
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Cơ sở: Trang trại chăn nuôi lợn thương phẩm thôn
tại thôn Mai Đan, xã Cam Chính, huyện Cam Lộ

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: **81** /GPMT-UBND ngày **30** tháng **10** năm 2023
 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

- Đã hoàn thành các hạng mục, công trình sản xuất, các yêu cầu bảo vệ môi trường và không còn hạng mục, công trình sản xuất, công trình bảo vệ môi trường tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 2302/QĐ-UBND ngày 30/8/2021 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Trang trại chăn nuôi lợn thương phẩm tại thôn Mai Đan, xã Cam Chính, huyện Cam Lộ.

- Tiếp tục tổ chức trồng cây xanh đảm bảo diện tích 37,7% diện tích.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và CTNH theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Kho lưu giữ CTNH phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, CTNH cho đơn vị có chức năng theo quy định (trừ các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường có ký hiệu TT-R theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT).

2. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Khí thải, mùi hôi phát sinh từ hoạt động chăn nuôi:

- Khí thải từ hầm biogas phải được đảm bảo đốt hoàn toàn khi tiến hành xả khí dư thừa.

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp theo Phần B Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

5. Nghiêm túc tuân thủ thực hiện các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung được đề xuất.

6. Thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.